UBND PHƯỜNG MƯỜNG THANH
TRƯỜNG MẦM NON MƯỜNG THANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 184/TB - MNMT

Mường Thanh, ngày 06 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO CÔNG KHAI
Điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục mầm non
Năm học: 2026-2027

(Thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục va Đào tạo)

Thực hiện kế hoạch số 30/KH - MNMT ngày 28 tháng 8 năm 2026 của trường mầm non Mường Thanh về Thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/06/2024 Quy định về công khai trong hoạt động của nhà trường năm học 2026-2027. Trường mầm non Mường Thanh thông báo công khai Điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục mầm non năm học 2026-2027 như sau.

I. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL,GV,NV

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Chưa qua ĐT
Tổng số CBQL,GV,NV		**135**	**0**	**0**	**115**	**8**	**4**	**8**
	Cán bộ quản lý	**6**	**0**	**0**	**6**	**0**	**0**	**0**
	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0
	Phó hiệu trưởng	5	0	0	5	0	0	0
I	**Giáo viên**	**113**	**0**	**0**	**106**	**7**	**0**	**0**
	Nhà trẻ	41	0	0	37	4	0	0
	Mẫu giáo	72	0	0	69	3	0	0
II	**Nhân viên**	**16**	**0**	**0**	**3**	**1**	**4**	**8**
	Nhân viên văn thư	1	0	0	1	0	0	0

	Nhân viên kế toán	2	0	0	2	0	0	0
	Nhân viên y tế	5	0	0	0	1	4	0
	Nhân viên phục vụ	1	0	0	0	0	0	1
	Nhân viên bảo vệ	7	0	0	0	0	0	7
	Thu quỹ	0	0	0	0	0	0	0

2. Số lượng, tỷ lệ CBQL,GV đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	**Nội dung**	**Năm học 2025-2026**			
		Tốt	**Khá**	**Đạt**	**Chưa đạt**
1	**Cán bộ quản lý**	**6**	**0**	**0**	**0**
	Số lượng	6	0	0	**0**
	Tỷ lệ (%)	100	0	0	**0**
2	**Giáo viên**	**100/113**	**13/113**	**0**	**0**
	Số lượng	100/113	13/113	**0**	**0**
	Tỷ lệ (%)	88.4	11.6	**0**	**0**

3. Số lượng, tỷ lệ CBQL,GV và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

STT	**Nội dung**	**Năm học 2025-2026**
1	**Cán bộ quản lý**	**6**
	Số lượng	3
	Tỷ lệ (%)	100
2	**Giáo viên**	**113**
	Số lượng	113
	Tỷ lệ (%)	100

3	**Nhân viên**	16
	Số lượng	16
	Tỷ lệ (%)	100

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Trường chính (nam Thanh	Hoa Mơ	Thanh Xương	Hoa Sen	Noong Bua	Tổng	Yêu cầu theo quy định
1	Diện tích khu đất xây dựng	5.768,44	2,620m2	3.114.8	2.426,3	5.188 m2	**19.117.54**	
	Điểm trường	900,00	0	4.735.1	0	0	5.635.1	
	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ	19,48/ trẻ	25.00²/ trẻ	19,97 m²/ trẻ	15,65²/ trẻ	30.00²/ trẻ	21.15 m²	12m²
	Diện tích sân chơi	1.838m2 /296 = 6.2	1.500m2 / 144=10, 4	2,510m² 394=6,3	1.000² /153 = 6.53	3.484m2/ 183=20.3	8.83	1m2/ 1 trẻ nhà trẻ; 2m2/ 1 trẻ MG
2	**Số lượng hạng mục các khối phòng**							
2.1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	13	7	16	6	9	51	1 phòng/1nhóm lớp
	Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	13	7	16	6	9	51	1 phòng/1 nhóm

								lớp
	Phòng vệ sinh	13	7	18	8	10		
	Phòng ngủ riêng	0	0	7	0	4	11	
	Nơi ngủ dùng chung vơi khu sinh hoạt chung	13	7	9	6	5	40	
	Phòng khác	0	0	0	0	0	0	
2.2.	**Khối phòng phục vụ học tập**							
	Thư viện	1	1	1	1	1	5	
	Phòng thể chất	1	0	1	0	1	3	
	Phòng nghệ thuật	1	1	2	1	1	6	
	Phòng TH-NN	1	0	1	1	1	4	
	Phòng khác	0	0	0	0	1	1	
2.3	**Khối phòng tổ chức ăn**							
	Nhà bếp	1	1	1	1	1	5	
	Nhà kho	1	1	1	1	1	5	
	Phòng khác	0	0	0	0	0	0	
2.4	**Khối phòng hành chính quản trị**							
	Phòng hiệu trưởng	1	0	0	0	0	1	12-15
	Phòng phó hiệu trưởng	1	1	1	1	1	5	10-12
	Văn phòng trường	1	1	1	1	1	5	30
	Phòng họp	0	0	1	0	1	2	
	Phòng hành	2	0	0	0	0	2	

	chinh quản trị							
	Phòng bảo vệ	2	1	2	1	1	7	
	Phòng y tế	1	1	1	1	1	5	
	Phòng truyền thống	0	0	0	0	0	0	
	Phòng nhân viên	2	0	1	1	1	5	
	Phòng khác	0	0	0	0	0	0	
2.5	**Khối công trình công cộng**							
	Khu để xe giáo viên	1	1	3	1	1	7	
	Khu vệ sinh CB,GV, NV	3	1	6	1	1	12	
	Số lượng thiết bi đồ dùng, đồ chơi hiện có (Theo lớp)	13	7	16	6	9	51	
	Số lượng đồ chơi ngoài trời (Bộ)	3	1	20	1	5	30	
2.6	**Tổng số thiết bi phục vụ giáo dục khác**							
	Ti Vi	1	1	6	1	7	16	
	Máy phô tô	1	1	2	1	0	5	
	Đàn ocgan	30	10	22	22	29	113	
	Đầu video/đầu đĩa	0	4	13	0	10	27	
	Máy vi tính phục vụ văn phòng	6	7	6	7	7	33	
	Máy tính phục vụ học tập	0	10	21	11	10 (đã thanh lý)	52 (đã thanh	

							lý10)	
	Bộ thiết bị tăng âm loa đài	1	1	3	1	1	7	
	Bàn ghế	Bàn học sinh: 130 Ghế học sinh; 325 Bàn giáo viên: 5 Ghế giáo viên: 10	Bàn học sinh: 60 Ghế học sinh: 220 Bàn giáo viên: 7 Ghế giáo viên: 14	Bàn học sinh: 222 Ghế học sinh: 421 Bàn giáo viên: 16 Ghế giáo viên: 35	Bàn học sinh: 76 Ghế học sinh: 175 Bàn giáo viên: 6 Ghế giáo viên: 12	Bàn học sinh: 190 Ghế học sinh: 350 Bàn giáo viên: 10 Ghế giáo viên: 19	Bàn HS: 678; Ghế HS: 1491; Bàn GV: 44; Ghế GV: 90	
	Bộ máy chiếu	12	6	14	7	14 (Đang chờ thanh lý 3 cái)	53 (Đang chờ thanh lý 3 cái)	
	Thiết bị âm thanh trợ giảng	2	2	2	6	08	20	
	Bộ thiết bị trực tuyến	0	1	1	1	1	4	

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

1.1. Phân hiệu Noong Bua (Trường MN Noong Bua cũ).

Kết quả tự đánh giá: Năm hoạch 2025 - 2026 Trường Mầm non Noong Bua tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3

Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Trong các năm học nhà trường tiếp tục chỉ đạo cải tiến chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá. Lưu trữ hồ sơ, xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao lượng các tiêu chuẩn, rà soát giữ vững các tiêu

chí theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm thực hiện quy trình và đúng tiến độ đánh giá chất lượng kiểm định chất lượng giáo dục, hiệu quả đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của đội ngũ trong thực hiện kế hoạch, các biện pháp cải tiến và đảm bảo chất lượng giáo dục

1.2. Phân hiệu Thanh Xương (Trường MN Thanh Xương cũ)

Kết quả tự đánh giá: Năm hoạch 2025 - 2026 Trường Mầm non Thanh Xương tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3

Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Nhà trường đã triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng theo kết quả tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3;

Các nội dung cải tiến được rà soát, thực hiện theo lộ trình, gắn với trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân. Hồ sơ, minh chứng từng bước được bổ sung, hoàn thiện; chất lượng công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ được duy trì, từng bước nâng cao.

Các nội dung còn hạn chế tiếp tục được xác định để đưa vào kế hoạch cải tiến chất lượng năm học 2026–2027.

1.3. Phân hiệu Hoa Mơ (Trường MN Hoa Mơ cũ).

Kết quả tự đánh giá: Năm hoạch 2025 - 2026 Trường Mầm non Hoa Mơ tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2

Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Nhà trường đã triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng theo kết quả tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2;

Các nội dung cải tiến được rà soát, thực hiện theo lộ trình, gắn với trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân. Hồ sơ, minh chứng từng bước được bổ sung, hoàn thiện; chất lượng công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ được duy trì, từng bước nâng cao.

Các nội dung còn hạn chế tiếp tục được xác định để đưa vào kế hoạch cải tiến chất lượng năm học 2026–2027.

1.4. Phân hiệu Hoa Sen(Trường MN Hoa Sen cũ).

Kết quả tự đánh giá: Năm học 2025-2026 Trường Mầm non Hoa Sen tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3

Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Số 182./KH- MNHS ngày 29/9/2025

Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Nhà trường đã triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng theo kết quả tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3;

Các nội dung cải tiến được rà soát, thực hiện theo lộ trình, gắn với trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân. Hồ sơ, minh chứng từng bước được bổ sung, hoàn thiện; chất lượng công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ được duy trì, từng bước nâng cao.

Các nội dung còn hạn chế tiếp tục được xác định để đưa vào kế hoạch cải tiến chất lượng năm học 2026–2027.

1.5. Trường chính (MN Nam Thanh cũ)

Kết quả tự đánh giá: Năm học 2025-2026 Trường Mầm non Nam Thanh tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục tuy nhiên về tiêu chí CSVC chưa đạt

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

2.1. Phân hiệu Noong Bua (Trường MN Noong Bua cũ).

- Kết quả đánh giá và công nhận.

Tên tổ chức kiểm định: Sở Giáo dục đào tạo tỉnh Điện Biên

Năm 2025: Kiểm định chất lượng cấp độ 3 và chuẩn Quốc gia mức độ 2

Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II theo Quyết định số 235/QĐ-SGDĐT ngày 12/5/2025 của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên và Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số: 236/QĐ-SGDĐT ngày 15/05/2025 của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên.

-Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo lộ trình 5 năm từ năm học 2025-2026 đến hết năm học 2029-2030.

2.2. Phân hiệu Thanh Xương (Trường MN Thanh Xương cũ)

Tên tổ chức kiểm định: Sở Giáo dục Đào tạo tỉnh Điện Biên

Năm 2021: Trường đạt kiểm định chất lượng Giáo dục cấp độ 3 và chuẩn Quốc gia mức độ II

Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II theo Quyết định số 3063/QĐ-SGDĐT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên và Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ III theo Quyết định số: 2753/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên.

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

Nhà trường xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng theo lộ trình 5 năm, từ năm học 2022–2023 đến hết năm học 2026–2027, theo Kế hoạch số 222/KH-MNTX ngày 15 tháng 9 năm 2025.

2.3. Phân hiệu Hoa Mơ (Trường MN Hoa Mơ cũ)

Tên tổ chức kiểm định: Sở Giáo dục Đào tạo tỉnh Điện Biên

Năm 2022: Trường đạt kiểm định chất lượng Giáo dục cấp độ 2 và chuẩn Quốc gia mức độ I

Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I theo Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện biên; Quyết định số: 84/QĐ-SGDĐT ngày 07 tháng 02 năm 2022 của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên.

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

Nhà trường xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng theo lộ trình 5 năm, từ năm học 2022–2023 đến hết năm học 2026–2027, theo Kế hoạch số 223a/KH-MNHM ngày 8 tháng 9 năm 2025.

2.4. Phân hiệu Hoa Sen(Trường MN Hoa Sen cũ).

Tên tổ chức kiểm định: Sở Giáo dục đào tạo tỉnh Điện Biên

Năm 2024-2025: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và chuẩn Quốc gia mức độ 2

Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 235/QĐ-SGDĐT ngày 12/5/2025 của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên và Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số: 236/QĐ-SGDĐT ngày 12/5/2025 của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên.

-Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo lộ trình 5 năm từ năm học 2025-2026 đến hết năm học 2029-2030: KH số 182./KH- MNHS ngày 29/9/2025

2.5. Trường chính (MN Nam Thanh cũ)

Nhà trường chưa đề nghị Đánh giá ngoài

Trên đây là thông báo công khai Điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục mầm non theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/06/2024 của Bộ GD&ĐT của trường Mầm non Mường Thanh thời điểm tháng 10 năm học 2026-2027./.

Nơi nhận:
- Tập thể CBGVNV (để biết);
- Trường chính,các phân hiệu;
- Bảng tin trường chính, các phân hiệu;
- Website nhà trường;
- Lưu : VT

T/M NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Minh Mẫn